

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **258/2023/DS-ST**
Ngày 25 – 9 – 2023
(V/việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn.

Bà Trương Tuyết Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phi Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng; Địa chỉ: Số 18, Lê Văn L, phường Trung H, quận Cầu G, thành phố HNội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đinh Thanh T, sinh năm 1983 – Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ cư trú: Tầng 3, Tòa nhà số 77, Võ Văn T, phường Tân A, quận Ninh K, thành phố Cần T theo Văn bản ủy quyền về việc tham gia tố tụng số: 643/UQ- – TNB ngày 16/6/2023 của Quyền Giám đốc Chi nhánh MBAMC Tây Nam Bộ (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Bạch H, sinh năm: 1968 (Vắng mặt);

Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1959 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 8/4B, đường Quang T, khóm U, phường U, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Thanh T trình bày: Vào ngày 20/7/2022 Ngân hàng– chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch Hthỏa thuận ký kết Hợp đồng cho vay số: 32265.22.751.4383334. TD ngày 20/7/2022 và các văn bản nhận nợ như sau:

Văn bản nhận nợ ngày 20/7/2022, số tiền giải ngân là: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Thời hạn vay: kể từ ngày liền sau ngày giải ngân đến ngày

20/6/2023. Lãi suất cho vay: 8,2%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Văn bản nhận nợ ngày 21/7/2022, số tiền giải ngân là: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Thời hạn vay: kể từ ngày liền sau ngày giải ngân đến ngày 21/6/2023. Lãi suất cho vay: 8,2%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Văn bản nhận nợ ngày 26/7/2022, số tiền giải ngân là: 1.140.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi nghìn đồng). Thời hạn vay: Kể từ ngày liền sau ngày giải ngân đến ngày 26/6/2023. Lãi suất cho vay: 8,2%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Văn bản nhận nợ ngày 26/7/2022, số tiền giải ngân là: 1.150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn vay: kể từ ngày liền sau ngày giải ngân đến ngày 26/6/2023. Lãi suất cho vay: 8,2%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Văn bản nhận nợ số LD 32265.22.751.4383334.TD ngày 09/9/2022, số tiền giải ngân là: 240.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Thời hạn vay: kể từ ngày liền sau ngày giải ngân đến ngày 09/8/2023. Lãi suất cho vay: 8,2%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Văn bản nhận nợ số LD 2235077075 ngày 16/12/2022, số tiền giải ngân là: 470.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu đồng). Thời hạn vay: kể từ ngày liền sau ngày giải ngân đến ngày 16/11/2023. Lãi suất cho vay: 8,2%/năm. Lãi suất cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 17/3/2020 đối với bà Lê Bạch Huệ, hạn mức tín dụng 100.000.000 đồng; Lãi suất nợ quá hạn: 145% lãi suất cho vay trong hạn.

Phụ lục: Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đối với bà Lê Bạch Huệ, hạn mức tín dụng 300.000.000 đồng.

Phụ lục: Thông tin đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế đối với ông Phạm Văn N, hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 375.081.740đồng, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 250.744.932đồng.

Trong quá trình vay vốn ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H không thực hiện đúng cam kết trả nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay và các văn bản nhận nợ đã ký, về phía Ngân hàng nhiều lần mời khách hàng làm việc nhưng ông N, bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Đến thời điểm hiện tại, ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H vẫn không thực hiện việc trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến hết ngày 21/9/2023 là 6.049.738.397 đồng (Sáu tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó tiền gốc là 5.618.891.434 đồng, lãi trong hạn: 8.480.443 đồng, lãi quá hạn: 250.509.443 đồng, lãi chậm trả: 171.857.077 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán nợ.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 775097.18.751.4383334.BD ngày 06/9/2018 trong trường hợp ông N, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 550m² thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CM 574956, số vào sổ cấp GCN CS00101, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/02/2018 thuộc quyền sử dụng của bên vay là ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H và quyền sử dụng đất diện tích 257,2m² thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CN 909222, số vào sổ cấp GCN CS00344, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/6/2018 thuộc quyền sử dụng của bên vay là ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, bà H như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập hợp lệ song ông N, bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H vi phạm hợp đồng đối với ngân hàng là có thật, do đó đề nghị Hội đồng

xét xử căn cứ các Điều 299, 301, 302, 317, 320, 323, 355, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, các Điều 147, 207, điểm b khoản 2, điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tại các thẻ tín dụng tổng số tiền là 625.826.672 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng). Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thuộc lĩnh vực tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H là bị đơn, có nơi cư trú tại số 8/4B, đường Quang T, khóm U, phường U, thành phố CM, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H mặc dù đã được Tòa án niêm yết và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, bà H nhưng ông N, bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà H theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa ông T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu đối với các bị đơn về việc Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho các bị đơn với tổng số tiền là 625.826.672 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng). Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung của vụ án: Xét nội dung tranh chấp thấy rằng, Hợp đồng cho vay số: 32265.22.751.4383334.TD ngày 20/7/2022 và các văn bản nhận nợ giữa ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H với Ngân hàng được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà H thanh toán nợ. Ông N, bà H đã được niêm yết triệu tập hợp lệ song ông N, bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, ông N, bà H cũng không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Chính vì vậy mà Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng để giải quyết vụ án. Qua xem xét, đánh giá các chứng cứ thể hiện ông N, bà H có nợ Ngân hàng đến nay chưa thanh toán là sự thật được nguyên đơn cung cấp tại các hợp đồng nên không cần phải chứng minh và hiện ông N, bà H còn nợ Ngân hàng tính đến hết ngày 21/9/2023 là 5.423.911.725 đồng (Năm tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, chín trăm mười một nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng). Do đó,

ông N, bà H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho Ngân hàng cùng lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong nợ. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 775097.18.751.4383334.BD ngày 06/9/2018, tài sản đảm bảo cho các khoản nợ vay là bất động sản thuộc quyền sử dụng của ông N, bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CM 574956, sổ vào sổ cấp GCN CS00101, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/02/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CN 909222, sổ vào sổ cấp GCN CS00344, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/6/2018 thuộc quyền sử dụng của bên vay là ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H.

Xét hợp đồng thế chấp trên được thực hiện đúng quy định pháp luật, hợp pháp nên theo yêu cầu của Ngân hàng trường hợp ông N, bà H không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

Trường hợp ông N, bà H thanh toán xong khoản tiền nợ Ngân hàng thì Ngân hàng trả lại cho ông N, bà H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CM 574956, sổ vào sổ cấp GCN CS00101, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/02/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CN 909222, sổ vào sổ cấp GCN CS00344, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/6/2018.

Hiện nay tài sản thế chấp nêu trên do ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H đang quản lý, sử dụng.

[6] Về thời gian thanh toán, Ngân hàng có yêu cầu ông N, bà H thanh toán một lần hết số tiền nợ nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ông N, bà H phải chịu theo quy định. Ngân hàng không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 280, 292, 295, 299, 301, 302, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 351, 353, 357, Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 143, 147, 207, 217, 218, 219, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H thanh toán cho Ngân hàng tính đến hết ngày 21/9/2023 là 5.423.911.725 đồng (Năm tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, chín trăm mười một nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng). Trong đó tiền gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi trong hạn: 1.545.205 đồng, lãi quá hạn: 250.509.443 đồng, lãi chậm trả: 171.857.077 và lãi phát sinh cho đến khi tất toán nợ.

Kể từ ngày 22/9/2023, ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay sản phẩm cho vay sản xuất kinh doanh số: 32265.22.751.4383334.TD ngày 20/7/2022 và các văn bản nhận nợ, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H thanh toán xong Ngân hàng trả lại cho ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CM 574956, sổ vào sổ cấp GCN CS00101, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/02/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CN 909222, sổ vào sổ cấp GCN CS00344, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/6/2018.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông N, bà H không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 550m² thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CM 574956, sổ vào sổ cấp GCN CS00101, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 13/02/2018 thuộc quyền sử dụng của bên vay là ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H và quyền sử dụng đất diện tích 257,2m² thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 47, tọa lạc tại đường Lý Thường Kiệt, khóm 7, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở & tài sản gắn liền với đất số CN 909222, sổ vào sổ cấp GCN CS00344, do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/6/2018 thuộc quyền sử dụng của bên vay là ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tại các thẻ tín dụng tổng cộng là 625.826.672 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, sáu

trăm bảy mươi hai đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H phải chịu số tiền 113.423.000đồng (Một trăm mười ba triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng, chưa nộp).

Ngân hàng không phải chịu. Ngày 23/6/2023, Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 56.884.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0002315 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Ngân hàng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn N, bà Lê Bạch H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

Lê Thúy Dung